

Biểu số 01

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Trung ương giao	Địa phương giao		Thực nguồn KH 2024 (không tính KH kéo dài) đến thời điểm báo cáo	Thực hiện giải ngân đến 20/6/2024			Thực hiện giải ngân kế hoạch năm 2023 kéo dài đến 20/6/2024			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch năm 2024 trên thực nguồn	Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				Kế hoạch năm 2024			Kế hoạch năm 2023 kéo dài	Giải ngân tại KBNN tỉnh		Giải ngân tại huyện	Giải ngân tại KBNN tỉnh			Giải ngân tại huyện
	TỔNG SỐ	2.717.200	4.812.010	3.953.817	858.193	2.298.200	582.686	167.323	415.363	56.661	45.479	11.182	25,35	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	1.095.720	2.378.128	2.332.337	45.791	676.720	249.999	78.659	171.340	1.263	1.263		36,94	
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	1.027.220	2.260.128	2.214.337	45.791	627.220	233.536	62.196	171.340	1.263	1.263		37,23	
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	547.220	567.178	547.220	19.958	547.220	232.390	61.050	171.340	1.263	1.263		42,47	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	400.000	1.587.117	1.587.117										
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	80.000	105.833	80.000	25.833	80.000	1.146	1.146					1,43	
2	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	68.500	68.500	68.500										
3	Nguồn NS thành phố Hà Nội hỗ trợ		49.500	49.500		49.500	16.463	16.463						
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	1.621.480	2.433.882	1.621.480	812.402	1.621.480	332.687	88.665	244.023	55.398	44.216	11.182	20,52	
I	Vốn ngân sách trung ương (trong nước)	823.220	1.382.628	823.220	559.408	823.220	63.610	63.610		14.737	14.737		7,73	
-	Ngành/ lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		450.065	244.595	205.470	244.595	41.286	41.286		5.737	5.737		16,88	
-	Ngành/ lĩnh vực cấp nước, thoát nước		50.000	50.000		50.000	87	87					0,17	
-	Ngành/lĩnh vực giao thông		864.775	511.625	353.150	511.625	21.665	21.665		9.000	9.000		4,23	
-	Đầu tư nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở		17.000	17.000		17.000	572	572					3,36	
-	Ngành/ lĩnh vực Quốc phòng		788		788									
II	Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia	798.260	966.459	798.260	168.199	798.260	269.077	25.055	244.023	24.632	13.450	11.182	33,71	
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	498.724	596.551	498.724	97.827	498.724	171.402	6.046	165.355	21.080	13.450	7.630	34,37	
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	171.101	203.595	171.101	32.494	171.101	51.102	19.008	32.094	2.079		2.079	29,87	
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	128.435	166.313	128.435	37.878	128.435	46.573		46.573	1.473		1.473	36,26	
III	Vốn chương trình phục hồi phát triển kinh tế xã hội		64.406		64.406					16.029	16.029			
IV	Vốn nước ngoài		20.389		20.389									

STT	Nguồn vốn	Trung ương giao	Địa phương giao			Thực nguồn KH 2024 (không tính KH kéo dài) đến thời điểm báo cáo	Thực hiện giải ngân đến 20/6/2024			Thực hiện giải ngân kế hoạch năm 2023 kéo dài đến 20/6/2024			Tỷ lệ giải ngân kế hoạch năm 2024 trên thực nguồn	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2023 kéo dài	Giải ngân tại KBNN tỉnh		Giải ngân tại huyện	Giải ngân tại KBNN tỉnh		Giải ngân tại huyện			

Biểu số 02

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương			Kế hoạch năm 2024 giải ngân đến 20/6/2024			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Trong số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Giải ngân tại Kho bạc tỉnh	Giải ngân tại huyện	
	TỔNG SỐ (A+B+C)				7.334.352	5.304.646	2.214.337	140.489		233.536	62.196	171.340	
A	NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC)				1.574.078	770.070	547.220			116.590	61.050	171.340	
I	PHÂN CẤP CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ						225.000			55.540		171.340	
II	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH				1.574.078	770.070	322.220			61.050	61.050		
II.1	BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA VÀ DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				899.002	144.994	31.044						
(a)	Dự án ODA				899.002	144.994	16.044						
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024				564.145	69.732	6.044						
1	Đối ứng dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Toàn tỉnh	669-14/7/2017	564.145	69.732	6.044						
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024				334.857	75.262	10.000						
1	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Kon Tum	Sở Nông nghiệp và PTNT	Toàn tỉnh	148/TTg-QHQT, 02/02/2021; 271-31/5/2023	334.857	75.262	10.000						
b)	Đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	Các chủ đầu tư	Toàn tỉnh				15.000						
II.2	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH / NHIỆM VỤ KHÁC				4.000	4.000	17.400						
1	Xây mới, mở rộng và nâng cấp các Nghĩa trang liệt sĩ và nhà bia tưởng niệm liệt sĩ, thay bia mộ liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Toàn tỉnh	55-13/6/2023	4.000	4.000	2.400						
-	Trong đó: Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ huyện Ia H'Drai (Nhà bia và các hạng mục phụ trợ)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Ia H'Drai	55-13/6/2023	4.000	4.000	2.400			1.550	1.550		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương			Kế hoạch năm 2024 giải ngân đến 20/6/2024			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Trong số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Giải ngân tại Kho bạc tỉnh	Giải ngân tại huyện	
2	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Các chủ đầu tư	Toàn tỉnh				15.000						
II.3	TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH	Các chủ đầu tư					16.000						
II.4	THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSDP				671.076	621.076	257.776			61.050	61.050		
a)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2024				568.139	518.139	178.972			60.441	60.441		
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2024				438.139	388.139	123.972			60.441	60.441		
1	Xây mới 04 hồ chứa nước phòng cháy chữa cháy Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh	BQL Khu BTTN Ngọc Linh	Đăk Glei	NQ 54-29/4/2021; 677-30/12/2021	38.000	38.000	19.000			3.597	3.597		
2	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất chương trình, lưu trữ và truyền dẫn phát sóng phát thanh	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Kon Tum	135-27/10/2022	10.535	10.535	1.283			397	397		
3	Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1387-12/12/2018; 1465-23/12/2019 939-25/9/2020	99.500	99.500	31.663			21.835	21.835		
4	Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị bàn, ghế và các trang thiết bị khác tại Hội trường Ngọc Linh	Văn phòng UBND tỉnh	Kon Tum	190-31/12/2022	9.833	9.833	5.000						
5	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	622-01/12/2021	50.000	50.000	25.000			2.440	2.440		
6	Cầu qua sông Đăk Blà tại thôn 12, xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	623-01/12/2021	50.000	50.000	7.000			1.096	1.096		
7	Tôn tạo, phục dựng, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum	UBND huyện Tu Mơ Rông	Tu Mơ Rông	571-06/9/2022; 694-14/11/2022	18.036	18.036	10.426			6.479	6.479		
8	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước, an toàn giao thông đoạn từ Km0 - Km39+500, Tỉnh lộ 673	Sở Giao thông vận tải	Đăk Glei	235-22/3/2022	162.235	112.235	24.600			24.597	24.597		
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024				130.000	130.000	55.000						
1	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh Kon Tum	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1388-12/12/2018; 1461-23/12/2019; 632-03/12/2021	90.000	90.000	40.000						
2	Đường hầm Sở chỉ huy cơ bản huyện Ia H'Drai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Ia H'Drai	1781-18/11/2022	40.000	40.000	15.000						
b)	Dự án khởi công mới trong năm 2024				102.937	102.937	78.804			609	609		
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2024				25.282	25.282	24.700			575	575		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương			Kế hoạch năm 2024 giải ngân đến 20/6/2024			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Giải ngân tại Kho bạc tỉnh	Giải ngân tại huyện	
1	Đầu tư hệ thống thiết bị xe truyền hình lưu động tiêu chuẩn HD	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Kon Tum	584-24/11/2023	25.282	25.282	24.700			575	575		
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024				77.655	77.655	54.104			33	33		
1	Kè chống sạt lở bờ suối biên giới đoạn giữa cột mốc 22/3-23/4 trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia	Cơ quan thường trực BCĐ công tác biên giới (Sở Ngoại vụ)	la H'Drai	563-14/11/2023	38.840	38.840	30.000			33	33		
2	Cơ sở huấn luyện dự bị động viên/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đăk Tô	174-28/4/2023; 582-24/11/2023	38.815	38.815	24.104						
B	NGUỒN THU XỐ SỔ KIẾN THIẾT				356.322	298.869	80.000			1.146	1.146		
I	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH				337.226	279.773	75.000			1.146	1.146		
a)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2024				62.900	5.447	2.631						
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2024				62.900	5.447	2.631						
1	Đối ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn	Sở Y tế	Toàn tỉnh	1178-30/11/2020	62.900	5.447	2.631						
b)	Dự án khởi công mới trong năm 2024				274.326	274.326	72.369			1.146	1.146		
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024				274.326	274.326	72.369			1.146	1.146		
1	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum từ bệnh viện hạng II lên bệnh viện hạng I quy mô 750 giường bệnh (giai đoạn 2)	Sở Y tế	Kon Tum	585-24/11/2023	274.326	274.326	72.369			1.146	1.146		
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA				19.096	19.096	5.000						
a)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2024				19.096	19.096	5.000						
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2024				19.096	19.096	5.000						
1	Trưng bày Bảo tàng ngoài trời	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kon Tum	1310-06/12/2017; 1203-31/10/2018; 126-16/3/2022	19.096	19.096	5.000						
C	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				5.403.952	4.235.707	1.587.117	140.489		12.083			
I	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG						352.000						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương			Kế hoạch năm 2024 giải ngân đến 20/6/2024			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Trong số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Giải ngân tại Kho bạc tỉnh	Giải ngân tại huyện	
II	CHI QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI						40.000						
II.1	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố						20.000						
II.2	Chi quản lý đất đai tại tỉnh						20.000						
III	BỔ SUNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT						8.000						
IV	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, THUẾ ĐẤT, TIỀN BÁN TÀI SẢN TỪ DỰ ÁN KHAI THÁC QUỸ ĐẤT TỈNH GIAO TĂNG THÊM (PHÂN BỐ THEO TIẾN ĐỘ NGUỒN THU				5.403.952	4.235.707	1.187.117	140.489		12.083			
IV.1	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐƯỢC HƯỞNG (dự toán giao tăng thêm - chi theo tiến độ nguồn thu)						88.000						
IV.2	CHI QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI						130.593						
-	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện cho các huyện, thành phố						39.000						
-	Chi quản lý đất đai tại tỉnh						91.593						
IV.3	BỔ SUNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT	Các chủ đầu tư	Toàn tỉnh				22.553						
IV.4	CHI ĐỀN BÙ GPMB CỦA CÁC DỰ ÁN MÀ NHÀ ĐẦU TƯ ĐÃ TỰ NGUYỆN ỨNG TRƯỚC	Quỹ phát triển đất	Kon Tum				30.000						
IV.5	PHÂN BỐ CHI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN				5.403.952	4.235.707	915.971	140.489		12.083			(1)
I	BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSTW				1.779.055	643.170	175.000	16.130		12.047			
a)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2024				1.779.055	643.170	175.000	16.130		12.047			
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2024				479.055	243.170	125.000						
1	Tiêu dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng Doanh trại các đơn vị thuộc Sư đoàn 10 tại xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	747-05/11/2021; 836-22/12/2022	129.513	82.513	57.500						
2	Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (đoạn từ Đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	868-30/10/2013; 1057-30/10/2015; 670-24/10/2022	236.767	118.384	50.000						

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương			Kế hoạch năm 2024 giải ngân đến 20/6/2024			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Trong số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Giải ngân tại Kho bạc tỉnh	Giải ngân tại huyện	
3	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai (Hạng mục: Xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện 60 giường bệnh)	Sở Y tế	Ia H'Drai	467-28/5/2021	112.775	42.273	17.500						
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao sau năm 2024				1.300.000	400.000	50.000	16.130		12.047			
1	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Plong	NQ 17-29/4/2021; 683-30/12/2021	1.300.000	400.000	50.000	16.130		12.047	12.047		
II	THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSDP				3.624.897	3.592.537	740.971	124.359		36			
a)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2024				3.624.897	3.592.537	740.971	124.359		36			
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng năm 2024				643.046	643.046	318.872	5.900					
1	Trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	910-28/10/2015; 51-25/01/2021	75.000	75.000	10.649						
2	Trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành và các hạng mục phụ trợ	Văn phòng UBND tỉnh	Kon Tum	NQ 41-29/4/2021; 256-11/5/2022	245.000	245.000	114.000						
3	Đường dẫn vào cầu số 01 qua sông Đăk Bla gần với chính trang đô thị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	294-02/4/2019; 728-15/7/2019	57.000	57.000	9.000						
4	Đường dẫn vào cầu số 03 qua sông Đăk Bla gần với chính trang đô thị	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	293-02/4/2019; 726-15/7/2019	87.000	87.000	38.300						
5	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại, dịch vụ tại phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	205-27/02/2019; 147-08/3/2021	35.083	35.083	28.000						
6	Chỉnh trang đô thị, di dời Bến xe Kon Tum về phía Bắc Thành phố Kon Tum theo quy hoạch (cập nhật di dời Cửa hàng xăng	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Kon Tum	1230-09/12/2020; 290-14/4/2021	16.923	16.923	16.923						
7	Đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử Ngục Kon Tum	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	1452a-30/11/2016; 1153-31/10/2017; 277-16/5/2022	127.040	127.040	102.000	5.900					
(2)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024				2.981.851	2.949.491	422.099	118.459		36			
1	Khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng Khu du lịch Ngục Kon Tum	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	1451-29/12/2017; 889-22/8/2018	100.000	100.000	2.000	2.000					

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương			Kế hoạch năm 2024 giải ngân đến 20/6/2024			Ghi chú
				Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Trong số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Giải ngân tại Kho bạc tỉnh	Giải ngân tại huyện	
2	Đường Trường Chinh (đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường Đào Duy Từ - phạm vi cầu nối qua sông Đăk Bla)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	985-13/9/2019; 826-06/9/2021	457.126	457.126	100.000	40.000					
3	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại Trung tâm thể dục thể thao	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	510-22/5/2019; 1172-23/10/2019	197.223	197.223	11.266	11.266	36	36		Hoàn thành Hợp phần 1	
4	Chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai	BQL Khu kinh tế tỉnh	Kon Tum	939-03/9/2019; 1125-16/10/2019	272.240	272.240	70.000						
5	Cầu 16/5 thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	Đăk Glei	NQ 52-29/4/2021; 1066-15/11/2021	86.550	70.000	25.000						
6	Đường từ trung tâm huyện Kon Plông kết nối đường Đồng Trường Sơn	UBND huyện Kon Plong	Kon Plong	NQ 31-09/7/2021; 485-24/8/2022	60.810	45.000	25.000						
7	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH51 (đường liên xã Kon Đào - Văn Lem)	UBND huyện Đăk Tô	Đăk Tô	NQ 53-29/4/2021; 36-27/01/2023	99.620	99.620	25.000						
8	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu phức hợp đô thị tại Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	204-27/02/2019; 147-08/3/2021	108.937	108.937	50.000						
9	Dự án đầu tư chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thể thao tại xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	206-27/02/2019; 239-30/3/2021	383.993	383.993	93.833	65.193					
10	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường bao khu dân cư phía Bắc thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Trần Phú đến cầu treo Kon Klor)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Tum	1058-30/10/2015	605.689	605.689	10.000						
11	Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kon Tum	1057-30/10/2015	609.663	609.663	10.000						

Ghi chú:

(1): Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thực hiện thông báo chi tiết cho các dự án căn cứ vào tình hình nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất, tiền bán tài sản từ dự án khai thác quỹ đất theo báo cáo của Sở Tài chính.

Biểu số 03

DANH MỤC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân
Vốn kế hoạch đầu tư công ngân sách năm 2023 sang năm 2024

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Giải ngân đến ngày 20/6/2024	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh			
	TỔNG SỐ (A+B)					1.448.727	581.541	45.792	1.263	
A	NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC)					1.254.052	438.457	19.958	1.263	
I	BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA					998.792	183.197	8.022		
(1)	Dự án chuyển tiếp và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2023					998.792	183.197	8.022		
1	Đối ứng dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7575168	292	669-14/7/2017	564.145	69.732	3.522		
2	Đối ứng dự án Hồ chứa nước Đăk Pokei (giai đoạn 1)	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	7684480	283	1211-31/10/2018	434.647	113.465	4.500		
II	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH					58.748	58.748	8.029	381	
1	Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2020-2030 và định hướng đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7767694	285	752-05/8/2020	58.748	58.748	8.029	381	
III	TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH	Các chủ đầu tư						602		
IV	THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSDP					196.512	196.512	3.306	883	
a)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2023					178.476	178.476	1.035		
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2023					178.476	178.476	1.035		
1	Sửa chữa, cải tạo toàn bộ sân trong khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ	Văn phòng Tỉnh ủy	7896023	341	1252-15/12/2020; 458-27/5/2021; 538-22/6/2021	11.180	11.180	21		
2	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum	Sở Nội vụ	7551864	341	NQ 39-29/4/2021; 59-28/01/2022	39.098	39.098	873		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2023 kéo dài sang năm 2024	Giải ngân đến ngày 20/6/2024	Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh			
3	Xây dựng mới hội trường Tỉnh ủy, các phòng họp và Trụ sở làm việc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	7896024	341	438-21/5/2021	128.198	128.198	141		
b)	Dự án khởi công mới năm 2023					18.036	18.036	2.271	883	
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023					18.036	18.036	2.271	883	
1	Tôn tạo, phục dựng, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum	UBND huyện Tu Mơ Rông	7955358	161	NQ 62-09/12/2021; 571-06/9/2022;694-14/11/2022	18.036	18.036	2.271	883	
B	NGUỒN THU XỐ SỐ KIẾN THIẾT					194.675	143.084	25.833		
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP					115.579	63.988	2.711		
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2023					115.579	63.988	2.711		
1	Bổ sung cơ sở vật chất cho Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đăk Glei	Sở Giáo dục và Đào tạo	7898793	074	1307-28/12/2020; 74/QĐ-SKHĐT, 19/6/2022	13.988	13.988	2.242		
2	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 6 cho các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	7898791	074	864-16/9/2021	101.591	50.000	469		
II	LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH					60.000	60.000	15.546		
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2023					60.000	60.000	15.546		
1	Nâng cấp Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum lên 165 giường	Bệnh viện Y dược cổ truyền - PHCN	7814362	132	126-10/02/2020; 311-03/4/2020	60.000	60.000	15.546		
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA					19.096	19.096	7.577		
(1)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2023					19.096	19.096	7.577		
1	Trưng bày Bảo tàng ngoài trời	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7567298	161	1310-06/12/2017; 1203-31/10/2018; 126-16/3/2022	19.096	19.096	7.577		

Biểu số 04

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024			Kế hoạch năm 2024 giải ngân đến 20/6/2024			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
	TỔNG SỐ				3.367.939	2.755.900	823.220			63.610			
A	NGÀNH/ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				732.246	680.100	244.595			41.286			
I	Dự án chuyển tiếp sang năm 2024				732.246	680.100	244.595			41.286			
a)	Dự án dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng năm 2024				180.500	164.000	44.600			24.994			
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Chư Mom Ray	BQL Vườn quốc gia Chư Mom Ray	Sa Thầy	NQ 19-29/4/2021; 625-01/12/2021	62.500	57.000	11.600			5.006			
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới Hồ chứa Đắk Car và Đập Đắk Sia II, huyện Sa Thầy	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	Sa Thầy	NQ 20-29/4/2021; 684-30/12/2021	118.000	107.000	33.000			19.988			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024				551.746	516.100	199.995			16.292			
1	Sửa chữa nâng cấp Đập Đắk Cấm, thành phố Kon Tum	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT	Kon Tum	200-21/4/2023	295.006	269.100	119.995			2.518			
2	Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025	Chi cục Kiểm lâm tỉnh	Kon Tum	771-29/12/2022	73.240	67.000	30.000			12.449			
3	Kè chống sạt lở sông Đắk Tờ Kan (đoạn cầu 42), huyện Đắk Tô	UBND huyện Đắk Tô	Đắk Tô	262-25/5/2023	183.500	180.000	50.000			1.325			
B	NGÀNH/ LĨNH VỰC CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC				185.000	166.500	50.000			87			
I	Dự án chuyển tiếp sang năm 2024				185.000	166.500	50.000			87			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024				185.000	166.500	50.000			87			
1	Hệ thống thoát nước, vỉa hè các tuyến đường nội thành, thành phố Kon Tum	UBND thành phố Kon Tum	Kon Tum	705-16/11/2022	185.000	166.500	50.000			87			
C	NGÀNH/LĨNH VỰC GIAO THÔNG				2.250.693	1.709.300	511.625			21.665			
I	Dự án chuyển tiếp sang năm 2024				1.877.947	1.418.800	411.625			17.430			

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024			Kế hoạch năm 2024 giải ngân đến 20/6/2024			Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB	
a)	Dự án dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng năm 2024				279.773	251.800	64.625			4.588			
1	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 675 đoạn từ Km0 - Km24	Sở Giao thông vận tải	Kon Tum, Sa Thầy	NQ 27-29/4/2021; 678-30/12/2021	129.773	116.800	6.012			4.239			
2	Đường giao thông từ xã Đăk Pnê, huyện Kon Rẫy đi huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	UBND huyện Kon Rẫy	Kon Rẫy	466-28/5/2021; 698-03/8/2021	150.000	135.000	58.613			349			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024				1.598.174	1.167.000	347.000			12.842			
1	Xây dựng cầu và đường hai đầu cầu từ bến du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (Tỉnh lộ 671) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly huyện Sa Thầy	Sở Giao thông vận tải	Kon Tum	NQ 23-29/4/2021; 676-30/12/2021	169.234	152.000	65.000			795			
2	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (giao với đường Hồ Chí Minh)	Sở Giao thông vận tải	Kon Tum	NQ 24-29/4/2021; 680-30/12/2021	128.940	115.000	50.000						
3	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	Kon Plong	NQ 17-29/4/2021; 683-30/12/2021	1.300.000	900.000	232.000			12.047			
II	Dự án khởi công mới năm 2024				372.746	290.500	100.000			4.235			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2024				372.746	290.500	100.000			4.235			
1	Đường từ Quốc lộ 24 đi khu nghỉ dưỡng khu vực Đông Nam	UBND huyện Kon Plông	Kon Plông	580-23/11/2023	109.484	98.500	50.000			407			
2	Đường từ Trung tâm thị trấn Đăk Glei đến trung tâm xã Xốp, huyện Đăk Glei	UBND huyện Đăk Glei	Đăk Glei	299-21/6/2023	263.262	192.000	50.000			3.828			
D	ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ				200.000	200.000	17.000			572			
I	Dự án chuyển tiếp sang năm 2024				200.000	200.000	17.000			572			
a)	Dự án dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng năm 2024				200.000	200.000	17.000			572			
1	Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 03 Bệnh viện đa khoa khu vực, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	Ngọc Hồi, Đăk Hà, Đăk Glei	772-29/12/2022; 318-03/7/2023	200.000	200.000	17.000			572			Dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Biểu số 05

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Giải ngân đến ngày 20/6/2024	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			
	Tổng cộng			2.855.388	1.869.903	644.203	30.765	
A	NGUỒN VỐN HỖ TRỢ THEO NGÀNH/LĨNH VỰC			2.035.276	1.235.922	559.408	14.737	
I	NGÀNH/LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG			69.235	63.000	788		
1	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021 - 2025	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	NQ 18-29/4/2021; 937-13/10/2021	69.235	63.000	788		
II	NGÀNH/ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIEM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN			473.441	426.922	205.470	5.737	
1	Dự án Kè chống lũ lụt, sạt lở các làng đồng bào dân tộc thiểu số dọc sông ĐăkBlá trên địa bàn thành phố Kon Tum (<i>tuyến bờ Bắc - đoạn từ làng KonHraChót đi làng Kon Tum Kơ Nâm, KonKlor 1 và Kon Tum Kơ Pong</i>)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	1106-10/11/2020; 351-15/6/2022	473.441	426.922	205.470	5.737	
III	NGÀNH/LĨNH VỰC GIAO THÔNG			1.492.600	746.000	353.150	9.000	
1	Dự án đường trục chính phía Tây thành phố Kon Tum	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Kon Tum	1020-18/10/2020; 338-08/6/2022	1.492.600	746.000	353.150	9.000	
B	NGUỒN VỐN ODA			555.112	368.981	20.389		
1	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum	Sở Kế hoạch và Đầu tư	07-10/1/2023	555.112	368.981	20.389		

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024	Giải ngân đến ngày 20/6/2024	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			
C	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI			265.000	265.000	64.406	16.029	
1	Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Đăk Chà Mòn I, Đăk Pret, Kon Tu, Đăk Loh)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	704-16/11/2022	65.000	65.000	9.623	257	
	Đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 03 Bệnh viện đa khoa khu vực, trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Kon Tum	Sở Y tế	50/NQ-HĐND, 26/8/2022; 772/QĐ-UBND, 29/12/2022; 318/QĐ-UBND, 03/7/2023	200.000	200.000	54.783	15.771	

Biểu số 06
CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI HỖ TRỢ)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định định đầu tư	Kế hoạch năm 2024 nguồn ngân sách địa phương			Giải ngân đến ngày 20/6/2024			Ghi chú		
						Số QĐ, ngày tháng năm	TMBT		Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS Tỉnh		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI HỖ TRỢ)						65.000	49.500	49.500			16.463			
I	Dự án khởi công mới năm 2024						65.000	49.500	49.500			16.463			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2024						65.000	49.500	49.500			16.463			
1	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 674, xã Sa Sơn đi Đài tưởng niệm Chư Tan Kra và sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp Đài tưởng niệm Chư Tan Kra	UBND huyện Sa Thầy	8071709	292	Sa Thầy	656-27/12/2023	65.000	49.500	49.500			16.463			